TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 26-10-2018
V/v "*Ly hôn giữa chị T và anh T1*".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Cứ;

2. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: ông Lê Xuân Hồng Vinh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2018/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị T - sinh năm 1991;

Địa chỉ: Tổ 2, ấp BL, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Anh Lê Chí T1 - sinh năm 1982

Địa chỉ: Tổ 2, ấp BL, xã HĐ, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-7-2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn – chị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 chung sống với nhau năm 2015 và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã HĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn; Nguyên nhân: do anh T1 thường xuyên đi làm không về nhà, không quan T1, chăm sóc vợ con. Vợ chồng chị ly thân từ năm 2017 cho đến nay, chị và anh T1 không liên lạc với nhau, mạnh ai nấy sống. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh T1.

Về con chung: 01 con chung tên Lê Ngọc Tâm N, sinh ngày 31-10-2015. Hiện con đang sống với chị T, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- anh Lê Chí T1 đã được Tòa án niêm yết tống đạt các văn bản, thông báo, quyết định và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự, nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T1 đã bỏ địa phương đi làm ăn, không rõ đi đâu và cũng không biết khi nào anh T1 về. Chị T và anh T1 ly thân với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh T1.

Về con chung: Lê Ngọc Tâm N, sinh ngày 31-10-2015, hiện con đang sống với chị T. Hiện anh T1 không rõ ở đâu nên giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Nợ chung: chị T xác định không có nợ ai nên không giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Phan Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Lê Chí T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T1.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phan Thị T và anh Lê Chí T1 chung sống và đăng ký kết hôn với nhau năm 2015, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T1 không quan T1, chăm sóc vợ con. Chị T và anh T1 sống ly thân với nhau từ đầu năm 2017 đến nay. Qua xác minh ngày 24-7-2018, chính quyền địa phương cho biết anh T1 hiện nay không có mặt ở địa phương, anh T1 đi làm ăn ở đâu chính quyền địa phương không biết do anh không trình báo địa phương, không biết thời điểm khi nào anh T1 trở về nên đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cho chị T và anh T1 ly hôn theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[3] *Về con chung*: Lê Ngọc Tâm N, sinh ngày 31-10-2015, hiện con đang sống với chị T. Hiện không rõ anh T1 ở đâu nên giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết. Nợ chung: chị T xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Phan Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T về việc ly hôn với anh Lê Chí T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị T và anh Lê Chí T1 được ly hôn.

2. Về con chung: Chị T trực tiếp trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc Tâm N, sinh ngày 31-10-2015. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018626 ngày 02 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã TH việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng